

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NGHỆ AN



**ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH NĂM 2023**

NGHỆ AN, 05/2023

Số: 23 /ĐA-CDSPNA

Nghệ An, ngày 30 tháng 5 năm 2023

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2023**

I. Thông tin chung

1. Tên trường, sứ mệnh

- Tên Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An
- Tên Tiếng Anh: Nghe An College of Education

Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An là đơn vị sự nghiệp công lập, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng chất lượng cao; là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng đạt trình độ tiên tiến; cung cấp nguồn nhân lực giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh nhà và của cả nước.

2. Mã trường

Mã trường: C29

3. Địa chỉ các trụ sở

- Cơ sở 1 (trụ sở chính): Số 389, đường Lê Viết Thuật, xã Hưng Lộc, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Cơ sở 2: Số 32, đường Hồ Sỹ Dương, P. Hưng Bình, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

Cổng thông tin điện tử của nhà trường: <http://www.cdspna.edu.vn>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội có thông tin tuyển sinh

- <https://zalo.me/g/sjszgp890>
- <https://www.facebook.com/tuyensinh.cdspnghean>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

0917 290 737; 0912 913 948; 0974 464 717; 0912 348 278; 0962 643 242

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp: Báo cáo khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2021: <https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=233&g=228>

(Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm).

Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên <i>Giáo dục Mầm non</i>	Cao đẳng	90	105	102	
Tổng		90	105	102	

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

- Năm 2021:

+ Đề án tuyển sinh năm 2021: <http://www.cdspna.edu.vn/?q=tuy-n-sinh/n-tuy-n-sinh-cao-ng-ng-nh-gi-o-d-c-m-m-non-n-m-2021.html>

+ Thông báo tuyển sinh năm 2021: <http://www.cdspna.edu.vn/?q=c-ch-nh-quy/th-ng-b-o-tuy-n-sinh-n-m-2021.html>

+ Thông báo mức điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 1 phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021: <http://www.cdspna.edu.vn/?q=tuy-n-sinh/th-ng-b-o-m-c-i-m-nh-n-h-s-ng-k-x-t-tuy-n-t-1-ph-ng-th-c-x-t-tuy-n-theo-k-t-qu-thi-t-t>

+ Thông báo mức điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 1 phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021: <http://www.cdspna.edu.vn/?q=tuy-n-sinh/th-ng-b-o-m-c-i-m-nh-n-h-s-ng-k-x-t-tuy-n-t-1-ph-ng-th-c-x-t-tuy-n-theo-k-t-qu-thi-t-t>

+ Danh sách trúng tuyển ngành Cao đẳng Giáo dục Mầm non (đợt 1) và hướng dẫn nhập học: <http://www.cdspna.edu.vn/?q=tuy-n-sinh/danh-s-ch-tr-ng-tuy-n-ng-nh-cao-ng-gi-o-d-c-m-m-non-t-1-v-h-ng-d-n-nh-p-h-c.html>

+ Thông báo điểm trúng tuyển đợt 2 ngành Cao đẳng Giáo dục Mầm non năm 2021: <http://www.cdspna.edu.vn/?q=tuy-n-sinh/th-ng-b-o-i-m-tr-ng-tuy-n-t-2-ng-nh-cao-ng-gi-o-d-c-m-m-non-n-m-2021.html>

+ Thông báo danh sách trúng tuyển đợt 2 ngành Cao đẳng Giáo dục Mầm non và Hướng dẫn thủ tục nhập học: <http://www.cdspna.edu.vn/?q=tuy-n-sinh/th-ng-b-o-danh-s-ch-tr-ng-tuy-n-t-2-ng-nh-cao-ng-gi-o-d-c-m-m-non-v-h-ng-d-n-th-t-c-nh-p>

- Năm 2022:

+ Đề án tuyển sinh năm 2022: <https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=164&g=23>

+ Danh mục ngành được phép đào tạo năm 2022:
<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=210&g=233>

+ Điều kiện xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022:
<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=211&g=233>

+ Quy chế thi tuyển sinh môn Năng khiếu năm 2022:
<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=212&g=233>

+ Đề án thi tuyển sinh môn Năng khiếu năm 2022:
<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=213&g=233>

+ Thông báo tuyển sinh năm 2022:
<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=214&g=233>

+ Thông báo mức điểm nhận HS ĐKXT Điểm thi tốt nghiệp năm 2022 - Đợt 1: <https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=215&g=233>

+ Thông báo điểm trúng tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non năm 2022 - Đợt 1 và Thủ tục nhập học:
<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=216&g=233>

+ Danh sách trúng tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non năm 2022 - Đợt 1:
<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=217&g=233>

+ Thông báo tuyển sinh năm 2022 - Đợt bổ sung:
<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=218&g=233>

+ Thông báo điểm trúng tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non năm 2022 - Đợt 2 và Thủ tục nhập học:
<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=219&g=233>

+ Danh sách trúng tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non năm 2022 - Đợt 2:
<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=221&g=233>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Xét tuyển từ kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT kết hợp kết quả thi môn Năng khiếu. Mã phương thức: 405

- Xét tuyển từ kết quả ghi trên học bạ THPT kết hợp kết quả thi môn Năng khiếu. Mã phương thức: 406

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/ Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm tuyển sinh 2021			Năm tuyển sinh 2022		
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Khối ngành/ Nhóm ngành I*							
- Giáo dục Mầm non							
Tổ hợp 1 (M00):	405	100	112	17.0	100	44	17.0
Tổ hợp 2 (M07):				17.0			17.0

<i>Tổ hợp 3 (M11):</i>				17.0			17.0
<i>Tổ hợp 4 (M14):</i>				17.0			17.0
<i>Tổ hợp 1 (M00):</i>	406	100	97	19.5	100	52	19.5
<i>Tổ hợp 2 (M07):</i>				19.5			19.5
<i>Tổ hợp 3 (M11):</i>				19.5			19.5
<i>Tổ hợp 4 (M14):</i>				19.5			19.5
Tổng		200	209	X	200	96	X

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo: <https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=339&g=233>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định cho chuyển đổi ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho chuyển đổi ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Giáo dục Mầm non	51140201	Số 791/QĐ-BGD&ĐT-ĐH	22/02/2002	5943/QĐ-BGDĐT	22/12/2010	Bộ GD-ĐT	2002	2022

10. Điều kiện đảm bảo chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng: <https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=341&g=233>

CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2023

10.1 Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022 (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			
6	Cao đẳng chính quy	51140201	Khoa học GD và Đào tạo GV	398
6.1	Chính quy	51140201	Khoa học GD và Đào tạo GV	398
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng			
6.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			
7.1	Vừa làm vừa học			
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng			
7.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: 8,03 ha (Cơ sở 1: 6,39 ha; Cơ sở 2: 1,64 ha)
- Diện tích sàn xây dựng: 6.229 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 1.360 chỗ
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường trên một sinh viên chính quy: 12,17 m²/sinh viên.

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	69	4735
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	1656
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	552
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	0	0
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1128
1.5	Số phòng học đa phương tiện	22	1012
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	15	387
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	4	188
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	21	1306
	Tổng	94	6229

10.2.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

- Phòng máy tính thực hành: 05 phòng
- Phòng thí nghiệm: 05 phòng
- Phòng nghiệp vụ: 05 phòng
- Phòng Nghe - Nhìn: 01 phòng
- Phòng Đàn: 03 phòng
- Phòng thực hành dinh dưỡng: 01 phòng
- Phòng Múa: 03 phòng
- Phòng học tiếng nước ngoài: 01 phòng

TT	Tên	Danh mục thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo
1.	Phòng thực hành máy tính	1. Máy tính: 125 bộ 2. Ổn áp: 05 cái 3. Switch: 06 4. Màn hình lớn: 02 cái	Nhóm ngành 1

TT	Tên	Danh mục thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo
2.	Phòng thí nghiệm	1. Tủ sấy Unicep: 01 2. Tủ nuôi cấy tế bào: 01 3. Máy đo cường độ ánh sáng: 01 4. Máy li tâm 12/24: 01 5. Máy cất nước thủy tinh: 01 6. Cân phân tích thường TG 628A: 01 7. Máy li tâm chạy điện: 01 8. Máy đo diện tích lá: 01	Nhóm ngành 1
3.	Phòng nghiệp vụ	1. Tivi màn hình lớn: 02 2. Các thiết bị khác liên quan đến ngành học	Nhóm ngành 1
4.	Phòng Nghe - Nhìn (đa phương tiện)	1. Máy chiếu: 06 2. Tivi: 22 3. Loa: 06 4. Tăng âm: 06 5. Micro: 06	Nhóm ngành 1
5.	Phòng Đàn	Đàn Organ Yamaha: 41	Nhóm ngành 1
6.	Phòng thực hành dinh dưỡng	1. Tủ lạnh: 01 2. Bếp ga: 03 3. Nồi cơm điện: 03 4. Nồi áp suất: 02 5. Máy xay sinh tố: 02 6. Các loại nồi niêu, xoong chảo, chén bát, rổ rá, xô chậu và các dụng cụ khác.	Nhóm ngành 1
7.	Phòng Múa	1. Tivi: 03 2. Đầu đĩa: 03 3. Các loại thiết bị dạy múa khác.	Nhóm ngành 1
8.	Phòng học tiếng nước ngoài	1. Máy chiếu: 01 2. Máy tính: 01 3. Bộ đọc - ghi bài giảng của giảng viên: 02 4. Khối thiết bị điều khiển của học viên: 40	Nhóm ngành 1
9.	Trang thiết bị cho các phòng làm việc	1. Máy tính: 95 bộ 2. Máy tính chủ: 05 bộ 3. Máy in: 47 cái 4. Máy photocopy: 02 cái 5. Radio cassette: 11 cái	Nhóm ngành 1

10.2.3. *Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo..., sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện*

TT	Khối ngành đào tạo/ Nhóm ngành	Số lượng
1	Nhóm ngành I	3093
2	Nhóm ngành II	149
3	Nhóm ngành III	44
4	Nhóm ngành V	120
5	Nhóm ngành VII	313

3. Danh sách giảng viên

3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian

TT	Họ và tên	chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
(1)	(2)	(9)	(10)	(11)	(13)	(14)
1	Nguyễn Thị An		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
2	Nguyễn Thị Hoài An		Thạc sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
3	Lê Thị Việt An		Thạc sĩ	PPDH Sinh học	GD Mầm non	
4	Phạm Thị Mai Anh		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
5	Nguyễn Thị Lan Anh		Thạc sĩ	PPDH Tiếng Anh	GD Mầm non	
6	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh		Thạc sĩ	Triết học	GD Mầm non	
7	Trịnh Thị Bản		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	GD Mầm non	
8	Ngô Thanh Băng		Thạc sĩ	Giáo dục học	GD Mầm non	
9	Lê Đình Cường		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	GD Mầm non	
10	Phan Thị Minh Châu		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
11	Nguyễn Thị Hồng Chinh		Thạc sĩ	Hóa vô cơ	GD Mầm non	
12	Nguyễn Thị Kim Chung		Thạc sĩ	Tâm lý học	GD Mầm non	
13	Trần Thị Lệ Dung		Thạc sĩ	KHXXH&NV	GD Mầm non	
14	Phan Thị Dung		Thạc sĩ	Hóa học	GD Mầm non	
15	Nguyễn Thị Hoài Dung		Thạc sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
16	Lê Thị Phương Dung		Thạc sĩ	Tâm lý học	GD Mầm non	
17	Nguyễn Văn Dũng		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin	GD Mầm non	

18	Hoàng Đình Dũng		Đại học	Giáo dục quốc phòng	GD Mầm non	
19	Trần Văn Đào		Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	GD Mầm non	
20	Nguyễn Thị Xuân Đào		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
21	Lê Thanh Đồng		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	GD Mầm non	
22	Nguyễn Thị Thu Giang		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	GD Mầm non	
23	Vũ Thị Hà Giang		Thạc sĩ	KHXX&NV	GD Mầm non	
24	Lê Thị Hương Giang		Thạc sĩ	Văn hóa học	GD Mầm non	
25	Lê Thị Lam Giang		Đại học	Sư phạm Âm nhạc	GD Mầm non	
26	Võ Thị Thanh Hà		Thạc sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
27	Tạ Thị Thanh Hà		Thạc sĩ	KHXX&NV	GD Mầm non	
28	Nguyễn Thị Thu Hà		Thạc sĩ	PPDH Sinh học	GD Mầm non	
29	Hoàng Thị Hà		Đại học	SP Mỹ thuật	GD Mầm non	
30	Phan Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Toán học	GD Mầm non	
31	Nguyễn Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
32	Lê Thị Lệ Hà		Thạc sĩ	PPDH Tiếng Anh	GD Mầm non	
33	Trần Bích Hải		Thạc sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
34	Chu Thị Mỹ Hạnh		Thạc sĩ	Triết học	GD Mầm non	
35	Phan Thị Thúy Hằng		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	GD Mầm non	
36	Cao Thị Hiền		Thạc sĩ	Hóa học	GD Mầm non	
37	Phạm Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
38	Đậu Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Toán học	GD Mầm non	
39	Hoàng Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Toán học	GD Mầm non	
40	Trần Thị Thanh Hoa		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	

41	Nguyễn Thị Quý Hoa		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	GD Mầm non	
42	Lê Thị Thanh Hoa		Thạc sĩ	Chính trị học	GD Mầm non	
43	Trần Thị Hòa		Đại học	Sư phạm Âm nhạc	GD Mầm non	
44	Phạm Đình Hòa	KHXH&NV	Thạc sĩ	KHXH&NV	GD Mầm non	
45	Vũ Thị Thu Hoài		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	GD Mầm non	
46	Văn Thị Hồng		Thạc sĩ	Triết học	GD Mầm non	
47	Phạm Thị Hợp		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
48	Phạm Thị Thanh Huệ		Thạc sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
49	Nguyễn Phi Hùng		Thạc sĩ	Giáo dục quốc phòng	GD Mầm non	
50	Nguyễn Thị Thanh Hương		Thạc sĩ	Chính trị học	GD Mầm non	
51	Đào Thị Minh Hương		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
52	Trịnh Khắc Thùy Hương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	GD Mầm non	
53	Nguyễn Thị Hương		Thạc sĩ	Triết học	GD Mầm non	
54	Nguyễn Thị Hương		Thạc sĩ	Triết học	GD Mầm non	
55	Bùi Thị Hương		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	GD Mầm non	
56	Nguyễn Cao Kiên		Thạc sĩ	KHXH&NV	GD Mầm non	
57	Nguyễn Văn Khanh		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	GD Mầm non	
58	Nguyễn Tùng Khánh		Thạc sĩ	KHXH&NV	GD Mầm non	
59	Trần Minh Khôi		Đại học	Giáo dục quốc phòng	GD Mầm non	
60	Nguyễn Thị Sương Lan		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	GD Mầm non	
61	Nguyễn Thị Lanh		Thạc sĩ	Giáo dục học	GD Mầm non	
62	Bùi Hoàng Lê		Đại học	Sư phạm Âm nhạc	GD Mầm non	
63	Thái Thị Mai Liên		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	

64	Nguyễn Thị Bích Liên		Thạc sĩ	Sinh học	GD Mầm non	
65	Hồ Thị Loan		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	GD Mầm non	
66	Lê Văn Lưu		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	GD Mầm non	
67	Nguyễn Thị Mai		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	GD Mầm non	
68	Hồ Thị Phương Mai		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
69	Hoàng Thị Hồng Minh		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
70	Nguyễn Thị Phước Mỹ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	GD Mầm non	
71	Lê Thị Na		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	GD Mầm non	
72	Nguyễn Thị Nga		Thạc sĩ	Lý luận Văn học	GD Mầm non	
73	Lê Thị Ánh Nga		Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học	GD Mầm non	
74	Đàm Thị Ngọc Ngà		Tiến sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
75	Trần Thị Kim Ngân		Thạc sĩ	Sinh học	GD Mầm non	
76	Tô Thị Ngân		Thạc sĩ	Sinh học	GD Mầm non	
77	Phan Hồng Ngọc		Thạc sĩ	Văn hóa học	GD Mầm non	
78	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
79	Nguyễn Thị Kim Nhung		Thạc sĩ	Kỹ thuật CNTT	GD Mầm non	
80	Đào Thị Nhung		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
81	Nguyễn Thị Hồng Nhung		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
82	Lê Thị Cẩm Nhung		Thạc sĩ	Sinh học	GD Mầm non	
83	Nguyễn Văn Phúc		Thạc sĩ	Sư phạm Mỹ thuật	GD Mầm non	
84	Đinh Thị Thu Phương		Thạc sĩ	Sinh học	GD Mầm non	
85	Lê Thị Hồng Phương		Thạc sĩ	Giáo dục học	GD Mầm non	
86	Nguyễn Thị Hồng Phượng		Thạc sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	

87	Trần Văn Quang		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	GD Mầm non	
88	Lê Thị Hương Quê		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	GD Mầm non	
89	Hoàng Thị Hải Quế		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	GD Mầm non	
90	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh		Thạc sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
91	Lê Văn Sách		Thạc sĩ	PPDH Sinh học	GD Mầm non	
92	Trịnh Công Sơn		Tiến sĩ	Toán học	GD Mầm non	
93	Nguyễn Anh Tài		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng	GD Mầm non	
94	Bùi Thị Thanh Tâm		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	GD Mầm non	
95	Nguyễn Thị Cẩm Tú		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	GD Mầm non	
96	Lưu Thanh Tú		Thạc sĩ	PPDH Tiếng Anh	GD Mầm non	
97	Trần Kim Tú		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
98	Trần Anh Tư		Tiến sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
99	Lê Thị Hồng Thái		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
100	Đào Thị Minh Thanh		Thạc sĩ	Kỹ thuật CNTT	GD Mầm non	
101	Nguyễn Văn Thành		Tiến sĩ	Giáo dục học	GD Mầm non	
102	Nguyễn Thị Ngọc Thành		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	GD Mầm non	
103	Trần Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
104	Lê Thị Thắm		Thạc sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
105	Phan Văn Thắng		Thạc sĩ	Khoa học Giáo dục	GD Mầm non	
106	Đậu Văn Thịnh		Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	GD Mầm non	
107	Trần Thị Cẩm Thơ		Tiến sĩ	Giáo dục học	GD Mầm non	
108	Lê Hoài Thu		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
109	Nguyễn Thị Thủy		Thạc sĩ	Triết học	GD Mầm non	

110	Ngô Thị Thủy		Thạc sĩ	Giáo dục học	GD Mầm non	
111	Trịnh Xuân Thủy		Thạc sĩ	Hóa học	GD Mầm non	
112	Hoàng Thị Bích Thủy		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
113	Doãn Thị Mai Thủy		Thạc sĩ	Chính trị học	GD Mầm non	
114	Bùi Thị Thúy		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GD Mầm non	
115	Nguyễn Ngọc Thương Thương		Thạc sĩ	Văn hóa học	GD Mầm non	
116	Lê Thị Quỳnh Thương		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	GD Mầm non	
117	Lê Thị Hoài Thương		Thạc sĩ	Văn học	GD Mầm non	
118	Nguyễn Thị Hương Trà		Thạc sĩ	Kỹ thuật CNTT	GD Mầm non	
119	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
120	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		Thạc sĩ	LLPPDH Âm nhạc	GD Mầm non	
121	Đặng Xuân Trường		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	GD Mầm non	
122	Trần Thị Kim Uyên		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	GD Mầm non	
123	Nguyễn Thị Thành Vân		Thạc sĩ	Giáo dục học	GD Mầm non	
124	Nguyễn Như Ý		Thạc sĩ	Giáo dục học	GD Mầm non	
125	Hồ Thị Việt Yến		Tiến sĩ	Văn hóa học	GD Mầm non	
126	Nguyễn Thị Hải Yến		Thạc sĩ	Sư phạm Mỹ thuật	GD Mầm non	

Tổng số giảng viên toàn thời gian toàn trường tham gia giảng dạy cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non: 126

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

Không.

11. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh:

<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=334&g=233>

12. Đường link công khai Kế hoạch tuyển sinh:

<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=334&g=233>

13. Đường link công khai Quy định thi môn Năng khiếu cao đẳng Giáo dục Mầm non:

<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=337&g=233>

14. Đường link công khai Đề án tuyển sinh:

<https://cdspna.edu.vn/CDSPNA/single?id=343&g=233>

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy**1. Tuyển sinh chính quy cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non*****1.1. Đối tượng tuyển sinh***

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (tại thời điểm xét tuyển), có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại Nghệ An.

1.3. Phương thức tuyển sinh

- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 kết hợp điểm thi môn Năng khiếu do Trường CDSP Nghệ An tổ chức. Mã phương thức xét tuyển: **405**

- Xét kết quả học tập từ học bạ THPT kết hợp điểm thi môn Năng khiếu do Trường CDSP Nghệ An tổ chức. Mã phương thức xét tuyển: **406**

Thí sinh phải thi năng khiếu tại Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An trước khi xét tuyển.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Dự kiến 120 chỉ tiêu (nếu được UBND Tỉnh giao chỉ tiêu)

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	405	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 kết hợp điểm thi môn Năng khiếu	60	M00 (Ngữ văn, Toán, Năng khiếu)		M07 (Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu)		M11 (Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu)		M14 (Toán, Địa lí, Năng khiếu)	
2	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	406	Xét kết quả học bạ THPT kết hợp điểm thi môn Năng khiếu	60	M00 (Ngữ văn, Toán, Năng khiếu)		M07 (Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu)		M11 (Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu)		M14 (Toán, Địa lí, Năng khiếu)	

Ghi chú: Môn Năng khiếu gồm: Đọc diễn cảm - Hát; Các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của phương thức 406 được lấy kết quả là điểm tổng kết cả năm của năm lớp 12.

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

a) Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 kết hợp điểm thi môn Năng khiếu (Phương thức 405):

- Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD-ĐT qui định.
- Hạnh kiểm lớp 12: Loại Khá trở lên
- Điểm thi môn Năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm): Từ 5.0 điểm trở lên

b) Xét kết quả học bạ THPT kết hợp điểm thi môn Năng khiếu (Phương thức 405):

- Học lực lớp 12: Loại Khá trở lên.
- Hạnh kiểm lớp 12: Loại Khá trở lên
- Điểm trung bình cộng các môn văn hoá lớp 12 (theo tổ hợp xét tuyển) từ 6.5 trở lên (tính cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy định của Bộ GD-ĐT).
- Điểm thi môn Năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm): Từ 5.0 điểm trở lên

1.6. Các thông tin hỗ trợ thí sinh Đăng ký xét tuyển

- Mã trường: C29
- Mã ngành: 51140201
- Mã phương thức xét tuyển:
 - + Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 kết hợp điểm thi môn Năng khiếu: **405**
 - + Xét kết quả học bạ THPT kết hợp điểm thi môn Năng khiếu: **406**
- Tổ hợp xét tuyển (áp dụng cả 2 phương thức): M00; M07; M11; M14.
- Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển: Không.
- Điểm xét tuyển được tính:

Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm Năng khiếu + Điểm ưu tiên (Trong đó môn 1, môn 2 là các môn văn hoá theo tổ hợp xét tuyển).

- Địa chỉ website của Trường: <http://www.cdspna.edu.vn> (Mục Tuyển sinh/Cao đẳng Giáo dục Mầm non)

- Nhóm Zalo: **Tuyển sinh CDSP Nghệ An 2023**

- Fanpage: <https://www.facebook.com/tuyensinh.cdspnghean>

- Thông tin cán bộ tuyển sinh:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Hoàng Đình Hải	Trưởng phòng Đào tạo - NCKH	0917 290 737	haidted@gmail.com
2	Hồ Thị An Nhung	CV P. Đào tạo - NCKH	0912 913 948	annhungho@gmail.com
3	Phạm Thị Mỹ	CV P. Đào tạo - NCKH	0912 348 278	phammy10@gmail.com
4	Lê Thị Hoài Thương	CV P. Đào tạo - NCKH	0974 464 717	thuongthuongdhv21@gmail.com
5	Dương Quang Hào	CV P. Đào tạo - NCKH	0962 643 242	duongquanghao@gmail.com

1.7. Tổ chức tuyển sinh

1.7.1. Địa chỉ, hình thức thu nhận hồ sơ:

- Địa chỉ: Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học, Trường CDSP Nghệ An. Số 389, đường Lê Viết Thuật, xã Hưng Lộc, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Hình thức thu nhận: Nộp trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.

1.7.2. Hồ sơ Dự thi năng khiếu và Đăng ký xét tuyển gồm:

***) Hồ sơ Dự thi năng khiếu (ĐKDT)** (bắt buộc đối với thí sinh tham gia xét tuyển vào Trường ở bất kỳ phương thức xét tuyển nào):

- + Túi đựng hồ sơ;
- + Mẫu Đăng ký dự thi Năng khiếu do Trường CDSP Nghệ An ban hành tại website: <http://www.cdspna.edu.vn> (mục *Tuyển sinh*);

+ Bản photo Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân;

+ 02 ảnh 4x6;

***) Hồ sơ Đăng ký xét tuyển (ĐKXT)** (thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD-ĐT và Cổng dịch vụ công quốc gia thì không phải nộp hồ sơ này):

- + Túi đựng hồ sơ;
- + Mẫu Đăng ký dự thi Năng khiếu; Mẫu Đăng ký xét tuyển do Trường CDSP Nghệ An ban hành tại website: <http://www.cdspna.edu.vn> (mục *Tuyển sinh*);

+ Bản photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT/ Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT;

+ Bản photo công chứng Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (nếu xét tuyển bằng điểm thi THPT);

+ Bản photo công chứng Học bạ THPT (nếu xét tuyển bằng học bạ);

- + Bản phô tô Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân;
- + 02 ảnh 4x6;
- + Các loại giấy tờ ưu tiên (nếu có).

1.7.3. Thời gian thu nhận hồ sơ thi ĐKDT Năng khiếu và ĐKXT Xét tuyển (nếu được UBND Tỉnh giao chỉ tiêu):

a) *Đợt 1*: Từ 15/6/2023 đến hết ngày 10/7/2023

b) *Các đợt bổ sung (nếu có)*:

Dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung từ 07/9/2023 đến hết ngày 10/12/2023. Mọi chi tiết sẽ được thông báo trên website: <http://www.cdspna.edu.vn> (mục *Tuyển sinh*).

1.7.4. Lịch thi Năng khiếu (nếu được UBND Tỉnh giao chỉ tiêu):

- Lịch thi năng khiếu Đợt 1 (dự kiến): Ngày 16/7/2023

- Các đợt bổ sung: Căn cứ vào kết quả tuyển sinh đợt 1, Nhà trường sẽ quyết định và thông báo cụ thể trên website <http://www.cdspna.edu.vn> trước mỗi đợt xét tuyển bổ sung.

1.7.5. Lịch xét tuyển (nếu được UBND Tỉnh giao chỉ tiêu):

a) *Đợt 1*: Theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) *Các đợt bổ sung (nếu có)*:

Nhà trường sẽ thông báo trên website: <http://www.cdspna.edu.vn> (mục *Tuyển sinh*).

1.7.6. Các điều kiện xét tuyển:

a) *Xét Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 kết hợp điểm thi Năng khiếu*:

- + Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- + Có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (theo tổ hợp xét tuyển) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng do Bộ GD-ĐT quy định.

+ Hạnh kiểm lớp 12: Loại Khá trở lên.

+ Có kết quả thi môn Năng khiếu tại Trường CĐSP Nghệ An.

b) *Xét Kết quả học bạ THPT kết hợp điểm thi Năng khiếu*:

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Học lực lớp 12: Loại Khá trở lên.

+ Có điểm trung bình cộng của các môn văn hoá thuộc tổ hợp xét tuyển

từ 6.5 trở lên (tính cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy định của Bộ GD-ĐT).

+ Hạnh kiểm lớp 12: Loại Khá trở lên.

+ Có kết quả thi môn Năng khiếu tại Trường CĐSP Nghệ An.

1.7.7. Môn thi Năng khiếu sử dụng để xét tuyển:

Sử dụng điểm môn thi Năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát) do Trường CĐSP Nghệ An tổ chức theo các đợt tuyển sinh.

1.7.8. Tổ hợp môn xét tuyển (chung cho cả 2 phương thức xét tuyển):

+ M00: Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát)

+ M07: Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát)

+ M11: Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát)

+ M14: Toán, Địa lý, Năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát)

Ghi chú: Đối với phương thức Xét kết quả học bạ THPT kết hợp điểm thi Năng khiếu, điểm các môn xét tuyển theo các tổ hợp trên là điểm tổng kết môn học của năm học lớp 12.

1.7.9. Nguyên tắc xét tuyển:

Lấy điểm tổng cộng (đã cộng ưu tiên) từ cao xuống cho đến khi hết chỉ tiêu. Trường hợp một trong 2 phương thức không đủ chỉ tiêu thì chuyển chỉ tiêu được giao sang phương thức còn lại.

1.7.10. Xác nhận nhập học:

***) Đợt 1:**

Thí sinh sau khi trúng tuyển, thí sinh phải xác nhận nhập học theo thời gian (trước 17 giờ 00, ngày 06/9/2023) và phương thức do Bộ GD-ĐT quy định (xác nhận trực tuyến trên hệ thống).

***) Các đợt bổ sung:**

Sau khi công bố danh sách trúng tuyển, Hội đồng tuyển sinh nhà trường sẽ hướng dẫn cụ thể trên website <http://www.cdspna.edu.vn/> trên nhóm zalo **Tuyển sinh CĐSP Nghệ An 2023**/ qua điện thoại thí sinh đã đăng ký sử dụng để liên lạc trong tuyển sinh.

1.8. Chính sách ưu tiên

- Xét tuyển thẳng: Không

- Ưu tiên xét tuyển: Chính sách cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng áp dụng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT.

1.9. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo.
- Lệ phí dự thi Năng khiếu (Độc diễn cảm - Hát): 300.000 đ/hồ sơ

1.10. Học phí với sinh viên chính quy; dự kiến lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Sinh viên có hộ khẩu thường trú tại Nghệ An thuộc diện chỉ tiêu được hưởng ngân sách không phải đóng học phí.
- Mức thu học phí: Theo quyết định của các cấp có thẩm quyền ban hành.
- Mức thu theo tín chỉ: Căn cứ vào chương trình đào tạo hiện nay của nhà trường, nhà trường sẽ quy đổi để thu học phí theo tín chỉ trên cơ sở tổng số học phí thu theo tín chỉ của cả khóa học không vượt quá mức học phí quy định cho khóa học nếu thu theo năm học.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ vào tình hình xét tuyển đợt 1, Nhà trường sẽ quyết định cho các đợt bổ sung (nếu có) và sẽ được công bố chi tiết tại website <http://www.cdspna.edu.vn>.

1.12. Việc thực hiện cam kết đối với thí sinh

Nhà trường cam kết thực hiện:

- Giải quyết những khiếu nại của thí sinh ở tất cả các khâu trong quá trình tuyển sinh trên nguyên tắc tuân thủ quy chế tuyển sinh và những quy định liên quan.
- Tạo điều kiện thuận lợi trong phạm vi cho phép để thí sinh được tham gia dự thi trong các đợt thi môn Năng khiếu do Nhà trường tổ chức.
- Tạo điều kiện thuận lợi để thí sinh trong phạm vi cho phép để thí sinh trúng tuyển được nhập học trong những tình huống thí sinh gặp rủi ro, đau ốm không thể nhập học đúng thời hạn quy định (thí sinh cần có các minh chứng bằng hồ sơ liên quan như: hồ sơ bệnh án, các xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với các sự việc liên quan,...)

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 48.013.000.000 đồng.
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 14.500.000 đồng/sinh viên.

Trên đây là nội dung Đề án tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023 của Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An. Nhà trường công bố công khai Đề án này trên Cổng thông tin của bộ GD-ĐT (<https://thituyensinh.vn/>), trên website của trường (<http://www.cdspna.edu.vn/>) và cam kết thực hiện theo đúng những nội dung đã nêu.

Nơi nhận:

- Vụ Giáo dục Đại học;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- HT và PHT;
- Lưu VT, KHTC, ĐT-NCKH ✓

**TS. Trần Anh Tư**